

Thứ sáu, ngày 25 tháng 9 năm 2020

Vietnam Daily Review

Việt Nam nằm trong danh sách theo dõi FTSE Russell, VN-index tiếp tục tích lũy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/9/2020		•	
Tuần 28/9-2/10/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục xu hướng tích lũy và đi ngang trong cả phiên giao dịch khi Việt Nam vẫn nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng thị trường của FTSE Russell. Dòng tiền đầu tư vẫn ở mức yếu khi chỉ có 5/19 ngành tăng điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường gần như ko đổi, biên độ giao dịch thu hẹp và độ rộng thị trường tiêu cực tiếp tục củng cố nhịp vận động tích lũy của VN-index. VN-Index dự kiến sẽ không có nhiều biến động khi các nhà đầu tư đang chờ đợi kết quả tăng trưởng kinh tế quý III trước vào ngày 29/09 tuần sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 845 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_1.7%

Phân tích kỹ thuật: FCN_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index -0.31 điểm, đóng cửa 908.27 điểm. HNX-Index -0.19 điểm, đóng cửa 131.52 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: STB(+0.45); BHN(+0.30); CTG(+0.21); LGC(+0.20); VNM(+0.19).
- Kéo chỉ số giảm: GAS (-0.21); BCM(-0.20); VIC(-0.19); PDR(-0.19); VRE(-0.13).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 5,432 tỷ đồng, -1.13% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 5.74 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có 162 mã tăng, 71 mã tham chiếu và 239 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -131.25 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-52.9 tỷ), VNM(-24.3 tỷ) và SSI (-20.8 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 1.57 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 908.27
Giá trị: 5432.8 tỷ -0.31 (-0.03%)
Khối ngoại (ròng): -131.25 tỷ

HNX-INDEX 131.52
Giá trị: 560.35 tỷ -0.19 (-0.14%)
Khối ngoại (ròng): 1.57 tỷ

UPCOM-INDEX 61.29
Giá trị: 0.53 tỷ 0.29 (0.48%)
Khối ngoại (ròng): -2.32 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	40.5	0.42%
Giá vàng	1,871	0.16%
Tỷ giá USD/VND	23,210	0.15%
Tỷ giá EUR/VND	27,075	-0.11%
Tỷ giá JPY/VND	22,013	0.13%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	37.45%
LS TPCP 5 năm	1.4%	0.92%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	42.6	HPG	-52.9
FUEVFVNI	19.5	VNM	-24.3
FUESSVFL	14.7	SSI	-20.8
DPM	12.6	VIC	-20.1
BVH	5.1	CII	-14.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_1.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.7%	2.2%	7.1%	18.3%	18.3%	20.9%	22.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.8%	1.9%	4.3%	14.5%	14.5%	0.5%	29.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.6%	3.5%	5.5%	12.9%	12.9%	0.4%	32.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	1.2%	6.6%	16.1%	16.1%	9.0%	31.0%
VN FinSelect	0.4%	3.1%	5.4%	12.4%	12.4%	0.2%	30.7%
Ngân Hàng	0.3%	2.7%	5.5%	19.6%	19.6%	9.3%	34.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.2%	1.3%	4.9%	15.8%	15.8%	2.9%	28.3%
Vật liệu Xây dựng	0.1%	-0.5%	5.2%	17.9%	17.9%	15.2%	29.3%
Xây dựng	0.1%	0.9%	7.2%	22.4%	22.4%	13.1%	31.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	0.5%	3.0%	9.1%	9.1%	-5.5%	26.0%
FTSE Việt Nam	0.0%	0.2%	3.3%	8.6%	8.6%	-3.0%	26.1%
Đầu tư công	0.0%	0.4%	7.2%	23.4%	23.4%	16.4%	27.5%
Lãi suất giảm	-0.1%	-0.2%	8.6%	21.7%	21.7%	17.9%	33.1%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	0.1%	5.1%	20.6%	20.6%	4.3%	31.5%
Stay-at-home	-0.1%	0.6%	4.9%	18.8%	18.8%	24.3%	34.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.2%	2.0%	4.3%	14.9%	14.9%	-7.7%	33.4%
Dầu khí	-0.2%	1.1%	4.1%	12.6%	12.6%	-13.9%	40.3%
Hàng tiêu dùng	-0.2%	1.7%	4.9%	16.5%	16.5%	6.9%	30.3%
Corona Avengers	-0.2%	0.5%	6.1%	15.2%	15.2%	11.0%	36.1%
Nước & Năng lượng	-0.3%	0.8%	4.2%	17.2%	17.2%	5.4%	26.9%
VN Diamond	-0.3%	1.7%	4.2%	14.2%	14.2%	-6.0%	32.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.3%	-0.2%	1.3%	15.6%	15.6%	2.3%	25.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	1.0%	4.8%	17.1%	17.1%	-0.9%	30.9%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.6%	0.1%	4.2%	20.1%	20.1%	21.0%	30.6%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.7%	-0.3%	2.7%	15.6%	15.6%	5.9%	22.3%

Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.3%	0.9%	5.2%	13.8%	13.8%	-8.1%	31.9%
S11	0.2%	-0.1%	4.9%	15.9%	15.9%	15.1%	26.9%
L22	0.1%	2.2%	6.5%	17.9%	17.9%	0.1%	29.0%
M22	0.0%	1.6%	4.0%	13.8%	13.8%	7.8%	27.0%
M12	0.0%	1.2%	4.0%	12.8%	12.8%	0.5%	26.6%
L11	-0.1%	1.3%	4.1%	14.3%	14.3%	1.5%	25.6%
M31	-0.2%	1.6%	3.5%	16.3%	16.3%	1.0%	31.8%
S21	-0.3%	1.2%	7.2%	19.1%	19.1%	2.9%	28.9%
S32	-0.8%	1.4%	5.3%	15.0%	15.0%	-6.8%	34.9%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	0.2%	0.1%	5.6%	19.3%	19.3%	15.1%	26.7%
HIGH3	0.0%	0.8%	4.6%	14.1%	14.1%	-1.0%	29.6%
LOW1	-0.1%	1.0%	4.1%	10.6%	10.6%	-0.7%	26.7%

INDEX							
VNINDEX	0.0%	0.8%	3.0%	10.1%	10.1%	-5.5%	25.4%
VN30INDEX	0.2%	1.6%	3.7%	10.9%	10.9%	-2.8%	26.7%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	12	13	13	12	23	2
Mục tiêu	9	4	5	8	1	9	0
Rủi ro	3	2	1	2	1	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 25/09

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.51	-1.05%	-4.10%	-8.00%	-24.40%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.45	-0.77%	-4.30%	-10.50%	-24.79%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	117.22	-0.77%	-4.30%	-7.00%	-22.10%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1859.38	-0.21%	-4.40%	-3.60%	23.50%		PNJ
Bạc	USD/ounce	22.20	-2.54%	-17.90%	-16.30%	25.19%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1004.50	-0.99%	-2.30%	10.90%	6.58%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	542.75	-1.14%	-2.40%	2.80%	5.39%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.55	0.54%	-2.60%	9.70%	7.85%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	173.70	1.17%	0.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.33	-0.60%	3.20%	-0.40%	0.08%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	110.50	-0.14%	-7.80%	-7.80%	-1.16%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6604.50	-2.59%	-2.50%	1.80%	14.13%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	520.15	0.30%	-1.70%	-3.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1754.50	-1.24%	-2.30%	-0.60%	0.14%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	112.18	-0.08%	-4.00%	-5.70%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	61.85	1.06%	4.30%	20.20%	-19.94%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent tăng 5 US cent lên 41.77 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 13 US cent lên 39.93 USD/thùng. Giá dầu được hỗ trợ khi Cơ quan Thông tin Năng lượng (EIA) cho biết, tồn trữ dầu thô, xăng và sản phẩm chưng cất của Mỹ đều giảm trong tuần trước.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.9% xuống 1,862.56 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York giảm 2.1% xuống 1,868.4 USD/ounce.
- Đồng USD đạt mức cao nhất 8 tuần đã làm giảm sức hấp dẫn của vàng đối với những người nắm giữ tiền tệ khác.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên giảm 2.7% xuống 751 CNY (110.58 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm phiên thứ 3 liên tiếp, do xuất khẩu từ các mỏ khai thác tăng và các nhà máy thép giảm công suất sản xuất bởi triển vọng nhu cầu trong mùa đông giảm.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 0.2% lên 3,542 CNY/tấn, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.4% lên 3,666 CNY/tấn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 2/2021 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) giảm 5 JPY tương đương 2.7% xuống 181 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 0.8% xuống 12,320 CNY/tấn.
- Hoạt động sản xuất tại nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới giảm, phần lớn do sản lượng giảm mạnh – lần đầu tiên – trong 4 tháng

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 0.15 US cent tương đương 0.1% xuống 1.105 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 tăng 8 USD tương đương 0.6% lên 1,349 USD/tấn. Giá cà phê giảm do triển vọng cây trồng cà phê niên vụ 2021/22 tại Brazil – nước sản xuất và xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới - cải thiện và đồng real Brazil suy yếu.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.08 US cent tương đương 0.6% xuống 13.33 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London giảm 0.6 USD tương đương 0.2% xuống 371.2 USD/tấn.

	25/9	% 25/9	24/9	% 24/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	908.27	-0.03%	908.58	-0.43%	0.81%	3.91%
S&P 500			3246.59	0.30%	-3.29%	-5.38%
HĐTL S&P500	3236.75	-0.04%	3238.00	0.21%	-2.40%	-5.70%
Shang- hai	3219.42	-0.12%	3223.18	-1.72%	-3.56%	-3.31%
Euro Stoxx	3140.99	-0.59%	3159.64	-0.64%	-4.35%	-6.43%

Phân tích kỹ thuật

FCN_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: FCN đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá sau khi đã có sự sụt giảm khá mạnh vào nửa cuối tháng 7 do ảnh hưởng của làn sóng Covid thứ hai. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu tăng ấn tượng 6.07%, qua đó chính thức vượt qua mức đỉnh cũ của tháng 6 ở ngưỡng 11.2. Các chỉ báo xu hướng hiện đều ủng hộ cho trạng thái tích cực của FCN. Tuy nhiên, do chỉ báo RSI đã đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể sẽ xuất hiện sự điều chỉnh trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của FCN nằm tại xung quanh giá 11. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 13, cắt lỗ nếu mệnh giá 10 bị xuyên thủng.



Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

Kế hoạch 2020:

- Doanh số ký hợp đồng mới 5,500 tỷ (+34.1% YoY), tập trung vào lĩnh vực cốt lõi là nền và móng và xây dựng. Công ty cho biết tổng giá trị hợp đồng ký mới từ đầu năm đến nay khoảng 1,500 tỷ đồng. Nếu thuận lợi công ty có thể ký thêm 2,500 tỷ đồng từ giờ đến tháng 7, tập trung ở dự án metro line 1 Hà Nội và một số dự án điện gió. Do đó, công ty tự tin vào kế hoạch hợp đồng ký mới và doanh thu 2020.
- Công ty được hưởng lợi từ việc đẩy mạnh đầu tư công do tham gia vào mảng hạ tầng. Sắp tới, FCN sẽ tham gia đấu thầu tại DA cao tốc Bắc Nam.
- Phát hành 32 triệu CP cho cổ đông chiến lược (tương đương với tỷ lệ sở hữu 20.32% sau khi phát hành). Giá chào bán không thấp hơn 15,000 VND/CP. Phương án này thay thế cho phương án phát hành 25 triệu CP cho cổ đông chiến lược mà FCN đã trình ĐHCĐ trong 2 ĐH trước do không thể thống nhất với cổ đông. Đối với phương án phát hành hiện tại, FCN có trình danh sách NĐT tiềm năng dự kiến gồm China Harbour Engineering Company (CHEC) là công ty xây dựng Trung Quốc hiện đang triển khai các dự án hạ tầng, cầu cảng, năng lượng và bất động sản trên toàn thế giới.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express FCN 2020Q2**

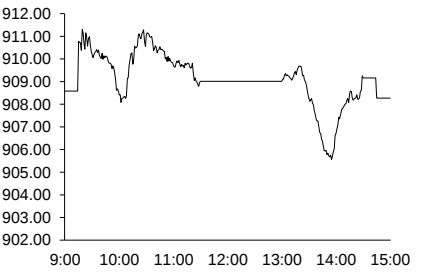
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	-1.40%
Bất động sản	-1.29%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.06%
Dịch vụ tài chính	-0.80%
Du lịch và Giải trí	-0.70%
Công nghệ Thông tin	-0.59%
Truyền thông	-0.59%
Thực phẩm và đồ uống	-0.55%
Ô tô và phụ tùng	-0.43%
Y tế	-0.33%
Bảo hiểm	-0.25%
Xây dựng và Vật liệu	-0.05%
Ngân hàng	0.00%
Viễn thông	0.00%
Hóa chất	0.01%
Dầu khí	0.03%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.27%
Tài nguyên Cơ bản	0.27%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.43%

Hình 1

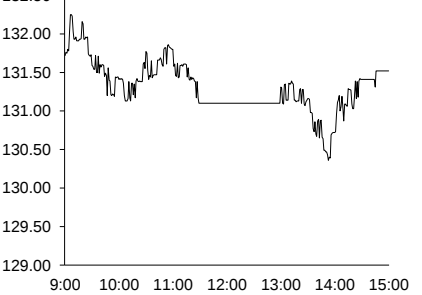
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	80.7	1	-0.49%	Có thể tiếp tục mua
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	86	2	0.70%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.6	3	1.31%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.2	4	2.53%	Có thể tiếp tục mua
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	6	7	-1.64%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	51.6	8	-3.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	13.6	9	5.43%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	28.2	11	0.89%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.15	14	0.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.8	15	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	18.8	16	0.80%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	18.5	17	-2.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/4/2020	VCS	67	76	60	68.2	21	1.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.2	22	4.76%	Có thể tiếp tục mua
8/31/2020	VJC	103	112	100	105.6	25	2.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.3	28	-1.27%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.3	29	3.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	103.8	39	5.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	22.2	45	13.55%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.9	46	-1.13%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	8.61	50	16.51%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	71.3	53	5.71%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.5	86	5.47%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	35.1	93	14.37%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	25.75	99	17.42%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	77.1	101	2.94%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

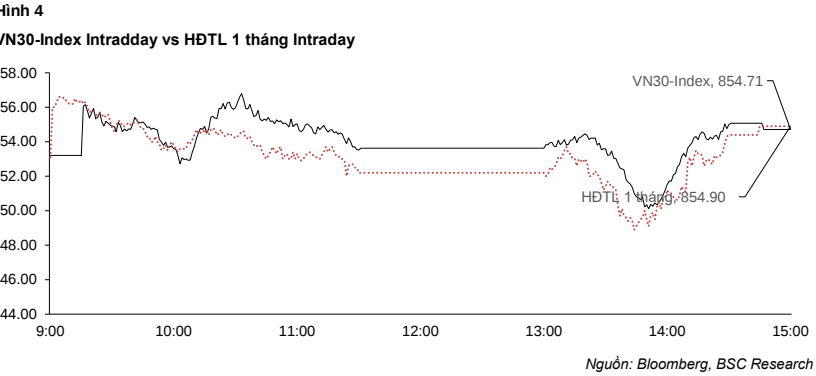
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	TP	29	17.58%
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	TP	31	9.70%

Chú thích:
 Thống kê 7 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	20	6	5.30%	-1.64%	3.70%	32
Cổ phiếu đã chốt	31	21	11.01%	-9.52%	2.72%	22

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	854.90	0.21%	0.19	-8.8%	100,626	10/15/2020	20
VN30F2011	852.50	0.32%	-2.21	43.3%	288	11/19/2020	55
VN30F2012	849.90	0.22%	-4.81	919.5%	785	12/17/2020	83
VN30F2103	849.00	0.62%	-5.71	-15.1%	286	3/18/2021	174

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 1.50 điểm, lên mức 854.71 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như STB, VNM, FPT, SBT, HPG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh vùng 850-855 điểm. Thanh khoản tăng tích cực, VN30 có thể kiểm tra lại kháng cự quanh 860 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2010 và VN30F2011 đang giảm, trong khi VN30F2012 và VN30F2103 đang tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2010 và VN30F2011 đang giảm, trong khi VN30F2012 và VN30F2103 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 845 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2004	11/30/2020	66	1:1	733,600	44.88%	1,400	2,700	37.76%	2,571	1.05	12,400	11,000	13,300
CSTB2008	11/20/2020	56	1:1	310,620	44.88%	1,500	3,450	30.19%	3,227	1.07	11,700	10,200	13,300
CSTB2007	4/27/2021	214	2:1	214,830	44.88%	1,500	1,840	18.71%	1,685	1.09	13,999	10,999	13,300
CSBT2007	4/27/2021	214	2:1	298,000	40.57%	1,700	1,120	17.89%	862	1.30	19,399	15,999	15,200
CSTB2009	12/18/2020	84	1:1	588,310	44.88%	1,650	3,100	6.09%	2,743	1.13	12,550	10,900	13,300
CFPT2003	11/9/2020	45	1:1	31,960	33.18%	7,300	11,440	1.87%	2,921	3.92	57,300	50,000	50,800
CHPG2019	12/18/2020	84	2:1	284,380	38.13%	1,630	1,750	0.00%	1,460	1.20	27,360	24,100	25,750
CHDB2007	4/27/2021	214	5:1	434,110	40.51%	1,300	1,330	-0.75%	1,205	1.10	34,272	27,772	31,150
CHPG2010	4/5/2021	192	4:1	788,480	38.13%	1,800	1,200	-0.83%	231	5.20	40,300	33,100	25,750
CMBB2003	11/9/2020	45	1:1	220,260	36.49%	2,000	2,150	-1.38%	2,042	1.05	20,000	18,000	19,600
CMWG2007	11/30/2020	66	1:1	19,060	42.06%	12,900	16,300	-1.81%	16,056	1.02	99,900	87,000	100,500
CPNJ2007	11/20/2020	56	5:1	202,910	39.71%	1,670	2,330	-2.10%	2,010	1.16	61,350	53,000	62,000
CMWG2008	10/29/2020	34	10:1	592,030	42.06%	1,300	1,680	-2.33%	1,637	1.03	98,000	85,000	100,500
CHPG2018	5/14/2021	231	4:1	379,310	38.13%	1,200	790	-2.47%	473	1.67	34,799	29,999	25,750
CMWG2011	12/18/2020	84	5:1	149,280	42.06%	2,980	3,800	-3.06%	3,364	1.13	101,900	87,000	100,500
CVPB2006	11/30/2020	66	1:1	294,760	46.46%	3,400	1,470	-4.55%	1,616	0.91	27,400	24,000	23,300
CVRE2007	4/5/2021	192	5:1	583,850	44.98%	1,520	610	-4.69%	444	1.37	40,933	33,333	28,400
CHPG2012	1/18/2021	115	1:1	105,690	38.13%	6,100	6,300	-4.83%	2,036	3.09	32,600	26,500	25,750
CHPG2008	11/30/2020	66	1:1	138,380	38.13%	4,100	4,460	-5.51%	906	4.93	32,100	28,000	25,750
CDPM2002	12/16/2020	82	1:1	84,410	43.32%	1,700	3,550	-12.99%	2,296	1.55	16,952	15,252	16,750
Tổng				6,369,820	40.96%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CSTB2004 và CSTB2002 tăng mạnh lần lượt là 37.76% và 32.72%. Trái lại, CMBB2005 và CDPM2002 giảm mạnh lần lượt là -57.69% và -12.99%. Giá trị giao dịch giảm mạnh -18.76%. CSTB2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.02% thị trường.
- CMBB2005, CVPB2006, CHDB2006, CHDB2005, và CVPB2007 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2009, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CVNM2004, và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	100.5	-0.7%	1.2	1,978	4.5	8,348	12.0	3.2	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	62.0	-0.5%	1.3	607	1.5	4,629	13.4	3.0	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	49.5	0.4%	1.4	1,598	1.2	1,625	30.5	1.9	28.2%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	30.1	-0.3%	0.3	293	0.0	2,651	11.4	1.0	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	92.8	-0.2%	0.8	13,647	1.7	2,336	39.7	3.7	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	28.4	-0.7%	1.1	2,806	1.9	1,057	26.9	2.3	30.9%	8.9%	
VHM	Bất động sản	77.1	0.0%	1.3	11,027	3.1	6,686	11.5	3.7	22.1%	36.5%	
DXG	Bất động sản	10.3	-1.4%	1.4	231	1.7	658	15.6	0.8	34.9%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	16.5	-0.6%	1.3	430	5.2	1,718	9.6	1.0	49.5%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	28.3	0.0%	1.0	204	0.9	4,110	6.9	1.2	28.2%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	20.2	-2.4%	1.7	268	2.0	1,608	12.6	1.4	49.2%	11.5%	
FPT	Công nghệ	50.8	0.6%	0.8	1,731	2.6	4,280	11.9	2.7	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	49.9	1.8%	0.4	594	0.0	4,812	10.4	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	73.1	-0.5%	1.4	6,083	1.5	5,169	14.1	2.7	3.2%	20.5%	
PLX	Dầu khí	51.6	-0.2%	1.5	2,734	0.4	867	59.5	3.1	16.1%	5.1%	
PVS	Dầu khí	13.6	0.7%	1.5	283	4.9	1,339	10.2	0.5	9.9%	5.2%	
BSR	Dầu khí	6.8	1.5%	0.8	917	0.3	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	105.1	-1.0%	0.5	597	0.0	5,044	20.8	4.3	54.8%	21.2%	
DPM	Hóa chất	16.8	0.0%	0.4	285	1.5	1,700	9.9	0.8	11.9%	8.9%	
DCM	Hóa chất	10.3	1.0%	0.5	236	1.0	709	14.5	0.8	1.8%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	86.0	-0.1%	1.1	13,868	4.1	4,915	17.5	3.6	23.5%	22.0%	
BID	Ngân hàng	40.8	-0.2%	1.3	7,135	2.4	2,132	19.1	2.1	17.5%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	26.2	0.8%	1.2	4,241	5.2	2,995	8.7	1.2	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	23.3	-0.6%	1.2	2,470	3.2	4,126	5.6	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	19.6	0.0%	1.0	2,055	5.5	3,497	5.6	1.1	22.9%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	22.2	0.0%	1.0	2,086	6.2	2,884	7.7	1.6	39.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	60.2	0.0%	0.9	214	0.3	5,781	10.4	2.0	82.1%	19.5%	
NTP	Nhựa	33.2	-1.2%	0.4	170	0.1	3,348	9.9	1.5	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	16.2	1.3%	0.3	697	0.0	356	45.5	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	25.8	0.4%	1.2	3,709	11.3	2,632	9.8	1.6	34.3%	18.1%	
HSG	Thép	15.3	2.0%	1.5	295	8.9	1,767	8.6	1.1	9.7%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	127.7	0.3%	0.8	9,668	5.6	5,538	23.1	7.4	58.5%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	187.0	0.0%	0.8	5,214	1.2	6,328	29.6	6.5	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	54.7	-0.5%	1.0	2,794	1.7	3,255	16.8	2.8	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.2	5.2%	0.8	388	4.0	561	27.1	1.2	5.5%	5.1%	
ACV	Vận tải	63.3	0.8%	0.8	5,991	0.6	3,450	18.3	3.8	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	105.6	-0.2%	1.1	2,405	1.4	3,480	30.3	3.7	17.7%	12.3%	
HVN	Vận tải	26.7	-0.2%	1.7	1,646	0.4	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	23.8	-1.0%	0.9	307	0.4	1,381	17.2	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	13.2	0.0%	1.2	161	1.1	2,076	6.3	0.8	20.1%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	68.2	0.4%	1.0	460	1.3	8,104	8.4	3.2	3.0%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.5	0.4%	0.8	458	0.7	1,363	17.2	1.6	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.7	-0.6%	1.0	260	0.9	1,937	8.1	1.1	6.0%	13.5%	
CTD	Xây dựng	71.3	-2.2%	1.1	237	3.6	8,453	8.4	0.7	46.8%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.0	-0.8%	0.3	187	1.5	1,562	11.5	0.8	35.4%	7.6%	
REE	Điện	40.4	0.0%	-1.4	545	0.4	4,780	8.5	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	21.3	-1.2%	-0.4	148	0.2	2,176	9.8	0.9	14.7%	9.9%	
POW	Điện	10.2	-1.0%	0.6	1,033	1.3	933	10.9	0.8	10.7%	8.1%	
NT2	Điện	23.6	0.2%	0.6	295	0.1	2,685	8.8	1.5	19.0%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	14.2	-0.7%	0.8	290	1.0	1,156	12.3	0.7	19.1%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	40.8	-2%	1.0	1,836	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.9	1.7%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STB	13.30	6.83	0.45	39.32MLN
BHN	72.10	6.97	0.31	20280
CTG	26.20	0.77	0.21	4.63MLN
LGC	56.60	6.99	0.20	330
VNM	127.70	0.31	0.20	1.01MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.22	459680	1.11MLN
BCM	0.00	-0.20	77730	607060
VIC	0.00	-0.19	412210.00	373600
PDR	0.00	-0.19	1.15MLN	192700
VRE	0.00	-0.13	1.58MLN	611640

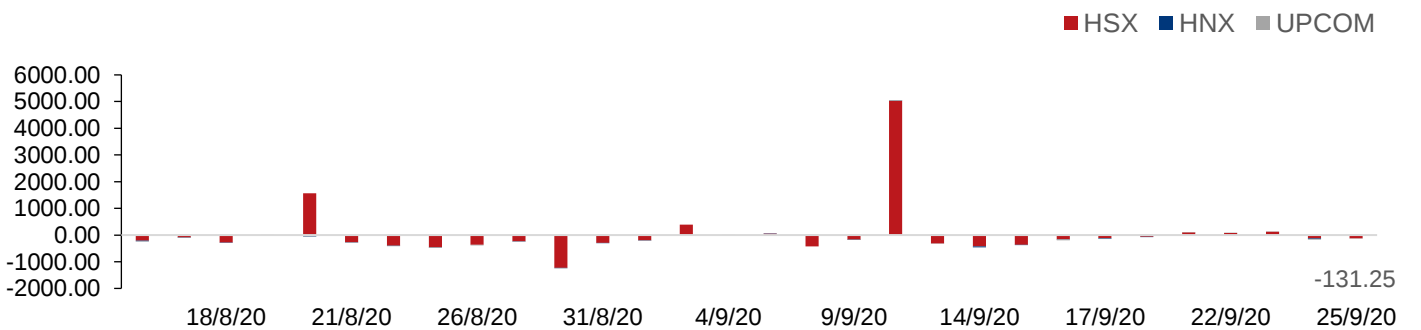
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	56.60	6.99	0.20	330.00
BHN	72.10	6.97	0.31	20280
TPC	7.52	6.97	0.00	1120
ASG	38.50	6.94	0.04	4260
OGC	6.49	6.92	0.04	5.41MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	9.72	-6.99	0.00	10
VPG	12.65	-6.99	-0.01	2.77MLN
HRC	45.90	-6.90	-0.03	10.00
VAF	10.95	-6.81	-0.01	10
TTA	19.20	-6.57	-0.05	8.30MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	100.5	8,348	12.0	3.2	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.1	885	9.2	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	43.7	5,512	7.9	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.2	1,948	12.4	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	25.8	2,632	9.8	1.6	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	25.5	3,024	8.4	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.3	4,126	5.6	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	46.8	9,998	4.7	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.7	3,255	16.8	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	42.8	4,670	9.2	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.3	1,767	8.6	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.9	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.6	2,103	12.6	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	25.8	2,632	9.8	1.6	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.4	3,103	7.2	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	62.0	4,629	13.4	3.0	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	103.8	4,105	25.3	8.9	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.3	658	15.6	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	22.9	1,721	13.3	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.2	7,583	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.3	5,224	5.2	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	53.2	4,739	11.2	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	86.0	4,915	17.5	3.6	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	22.2	2,884	7.7	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	43.7	5,512	7.9	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.1	5,872	9.9	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.8	4,280	11.9	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.8	1,381	17.2	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.2	1,156	12.3	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	187.0	6,328	29.6	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.2	1,948	12.4	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	127.7	5,538	23.1	7.4	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	100.5	8,348	12.0	3.2	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.2	2,088	9.2	1.3	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.1	5,044	20.8	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.2	2,076	6.3	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	62.0	4,629	13.4	3.0	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.9	4,313	7.9	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	204.1	14,782	13.8	5.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639